TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Bản án số: 26/2020/DS - ST Ngày: 16/7/2020 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông K' Dung.

2. Bà Thạch Thị Lan Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương - Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXX ST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị M. Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

Bà M ủy quyền cho ông Hoàng Rung K' T. Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số 75, TDP C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/12/2019.

2. Bị đơn: Anh Trần V. Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lã Văn T. Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

+ Ông Trần H. Sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh L.

+ Bà Cung Thị C. Sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh L.

+ Chị Lã Thị P. Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

(Bà M, ông Hoàng Rung K' T, ông V, ông H, bà C, bà Pcó mặt, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Rung K' T trình bày: Vào ngày 20/3/2019 Bà M có cho ông V vay số tiền là 30.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, có chữ ký của ông V. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 20%/tháng. Số tiền này ông V hẹn đến ngày 20/4/2019 sẽ trả cả gốc và lãi cho Bà M. Đến thời hạn trả nợ thì ông V không trả cho Bà M tiền gốc và tiền lãi suất mặc dù Bà M đã yêu cầu trả ông V trả nợ nhiều lần. Nay Bà M khởi kiện yêu cầu ông V phải trả cho Bà M số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 20/4/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính là 13 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể: 30.000.000đ x 0,83% x 13 tháng = 3.237.000 đồng. Tổng cộng ông V phải trả cho Bà M là 33.237.000đ. Ngoài ra, Bà M không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần V trình bày: Vào ngày 20/3/2019 ông có vay của Bà M số tiền là 30.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy tờ với nhau và thỏa thuận theo lãi suất của ngân hàng. Thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày vay, chữ ký trong giấy vay tiền là chữ ký của ông. Số tiền này ông là người vay tiền của Bà M chứ không phải của bà N, ông có nghe nói lại số tiền đó là Bà M mượn của bà N. Khi viết giấy vay tiền xong thì Bà M không giao tiền mặt cho ông mà Bà M hẹn ông đến tối đến lấy tiền. Khi thỏa thuận vay tiền thì Bà M có yêu cầu ông thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe tải Kia biển kiểm soát 49C - 046.34 thì Bà M mới đưa tiền nhưng trong giấy vay tiền không thể hiện vấn đề này. Tối cùng ngày ông và mẹ ông có đến nhà Bà M để lấy tiền nhưng mà Mơ không đưa tiền cho ông. Từ đó đến nay ông cũng không đến nhà Bà M để yêu cầu Bà M đưa số tiền 30.000.000đ mà ông đã vay của Bà M. Mục đích ông vay số tiền trên là để mua bộ trống riêng cho bố ông là ông Trần H không liên quan đến việc góp vốn của bố mẹ ông với vợ chồng ông T, Bà M. Trước đó giữa bố mẹ ông với vợ chồng ông T, Bà M có làm ăn chung với nhau các bên có mua dàn nhạc, xe tải chung, mỗi bên góp số tiền là 128.000.000đ. Tổng số tiền góp vốn là 256.000.000đ. Số tiền 30.0000.000đ mà

ông vay của Bà M không liên quan đến việc góp vốn làm ăn chung giữa bố mẹ ông với vợ chồng ông T, Bà M. Việc góp vốn giữa bố mẹ ông với vợ chồng ông T, Bà M sau đó xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số 26/2019/DS - ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Nay Bà M khởi kiện yêu cầu ông phải trả cho Bà M số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 20/4/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính là 13 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng, cụ thể: 30.000.000đ x 0,83% x 13 tháng = 3.237.000 đồng. Tổng số tiền Bà M yêu cầu ông phải trả cho Bà M là 33.237.000đ thì ông không đồng ý vì lý do ông chỉ ký vào giấy vay tiền chứ ông không được nhận số tiền vay của Bà M. Ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là ông chưa nhận tiền của Bà M nhưng ông khẳng định ông chưa nhận tiền mặt của Bà M mà chỉ ký vào giấy vay tiền. Ngoài ra ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Văn T trình bày: Ngày 01/4/2019 vợ của ông H là bà C có đến nhà ông để viết giấy thỏa thuận làm ăn nhưng khi đó ông không có ở nhà chỉ có vợ ông là Bà M ở nhà. Hai bên thỏa thuận làm ăn như thế nào thì ông không nắm rỏ. Trong hợp đồng làm ăn có ghi tên ông nhưng thực tế ông không có ở nhà và không ký hợp đồng làm ăn. Khi hai bên làm ăn về dàn nhạc thì ông không biết gì nên mẹ ông V có đến nhà gặp và hai bên có ký vào giấy hợp đồng làm ăn. Ông là người trực tiếp đi mua dàn nhạc, quản lý và sử dụng dàn nhạc. Việc làm ăn chung này thì ông đã được Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật không liên quan đến số tiền 30.000.000đ mà Bà M cho ông V vay. Ngày 20/3/2019 Bà M cho ông V vay tiền thì ông không có mặt nên không biết việc thỏa thuận vay tiền cụ thể như thế nào, thời hạn trả nợ ra sao vì vậy không liên quan gì đến ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Trần H, bà Cung Thị C trình bày: Vợ chồng ông và vợ chồng ông T, Bà M có góp vốn làm ăn chung mỗi bên góp số tiền là 128.000.000đ. Sau đó các bên phát sinh tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số 26/2019/DS - ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Ông bà có đưa cho ông V 01 cà vẹt xe tải Kia. Số tiền 30.000.000đồng ông V vay của Bà M không phải để góp vốn vào việc làm ăn chung của vợ chồng ông bà với vợ chồng Thao, Bà M. Ông V là con của vợ chồng ông bà vay tiền của Bà M thì Bà M hẹn ông bà cùng ông V đến 19 giờ ngày 20/3/2019 đến nhà Bà M để lấy tiền nhưng khi đến lấy tiền thì Bà M không giao tiền cho ông V. Nay Bà M khởi kiện ông V phải trả số tiền là 30.000.000đồng và tiền lãi thì vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị P trình bày: Vào ngày

20/3/2019 ông V có vay của Bà M số tiền là 30.000.000đ. Bà là người viết giấy vay tiền dùm cho Bà M và ông V. Trước đây bố mẹ bà và vợ chồng ông H, bà C có góp vốn làm ăn chung như Bà M trình bày, sau đó các bên xảy ra tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án số 26/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Nay Bà M khởi kiện ông V phải trả số tiền gốc là 30.000.000đồng và tiền lãi thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.0000đ và tiền lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày vay 20/3/2019 đến ngày 20/6/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà M buộc ông V phải trả cho Bà M số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi suất là 0,83% từ ngày 20/3/2019 đến ngày 20/6/2020 là 15 tháng, cụ thể: 30.000.000đ x 0,83% x 15 = 3.750.000đ.

Về án phí: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Mặc dù việc vay tiền giữa Bà M với ông V không liên quan đến ông T, ông H, bà C, bà Phương. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án theo lời khai ban đầu của ông V thì số tiền ông V vay Bà M có liên quan đến việc góp vốn làm ăn chung giữa ông T với ông H nên việc Tòa án đưa ông H, ông T, bà C, bà Pvào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Tại phiên toà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà M cho rằng vào ngày 20/3/2019 bà có cho ông V vay số tiền là 30.000.000đồng, số tiền này ông V hẹn đến ngày 20/4/2019 sẽ trả cho bà. Đến thời hạn trả nợ thì ông V không trả cho Bà M mặc dù Bà M đã yêu cầu trả nhiều lần. Còn ông V cho rằng việc ông V có vay của Bà M số tiền 30.000.000đ là có nhưng sau khi viết giấy vay tiền thì Bà M không giao số tiền trên cho ông V nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 20/3/2019 ông V có vay của Bà M số tiền là 30.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy tờ vay mượn với nhau. Số tiền này hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/tháng và hẹn trong vòng 30 ngày ông V sẽ có trách nhiệm trả lại cho Bà M số tiền trên. Việc ông V vay tiền của Bà M là có sảy ra trên thực tế đồng thời ông V cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết dưới hàng chữ *"người vay tiền"* là chữ viết và chữ ký của ông.

Tuy nhiên ông V cho rằng khi ông viết giấy vay tiền xong thì Bà M không giao tiền mặt cho ông mà Bà M hẹn ông đến tối lên mới giao tiền. Khi thỏa thuận vay tiền thì Bà M yêu cầu ông thế chấp cho Bà M giấy đăng ký xe tải Kia biển kiểm soát 49C-046.34 thì mới đưa tiền nhưng trong giấy vay tiền không thể hiện vấn đề này. Tối cùng ngày ông cùng bà C đến nhà Bà M để lấy tiền nhưng mà Mơ không giao tiền cho ông. Khi ông vay tiền của Bà M thì chỉ có ông với Bà M, bà C chứng kiến ngoài ra không còn ai.

Xét thấy lời khai của ông V là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẻ: Ông V là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự ông V không thể ký giấy vay tiền khi Bà M không giao tiền cho ông V. Mặt khác ông V cũng thừa nhận từ khi ông V ký giấy vay tiền của Bà M nhưng Bà M không giao tiền cho ông V, ông chỉ đến lấy tiền vào chiều tối cùng ngày 20/3/2019. Từ thời điểm Bà M không giao tiền cho ông V cho đến ngày Bà M khởi kiện ông V tại Tòa án ông cũng không đến gặp và yêu cầu Bà M giao số tiền đã vay. Tại phiên tòa hôm nay ông V cũng thừa nhận từ khi Bà M không giao tiền cho ông thì ông cũng không khiếu nại hay thắc mắc về vấn đề này. Bên cạnh đó lời khai của ông V cũng có sự mâu thuẫn tại bản tự khai đề ngày 27/02/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2020 ông V có khai trong quá trình bố ông là ông H với ông T làm ăn chung với nhau do bố ông không đủ tiền để góp vốn làm ăn chung nên ông có vay số tiền 30.000.000đ của Bà M để cho bố ông góp vốn làm ăn chung với ông T. Tuy nhiên sau đó ông V lại khai số tiền 30.000.000đ ông vay của Bà M là để mua bộ trống riêng cho bố ông không liên quan đến việc góp vốn làm ăn chung nhưng ông cho rằng sau khi viết giấy vay tiền

thì Bà M không giao tiền cho ông. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay ông V cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Bên cạnh đó Bà M lại không thừa nhận. Vì vậy cần buộc ông V phải trả lại cho Bà M số tiền gốc là 30.000.000đ là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông V phải trả số tiền lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày 20/3/2019 đến ngày 20/6/2020 là 15 tháng.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận. Như vậy số tiền lãi suất được tính như sau: 30.000.000đ x 0,83%/tháng x 15 tháng = 3.750.000đ. Đây là số tiền lãi suất cần buộc ông V phải trả cho Bà M.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lã Văn T xác định số nợ Bà M cho ông V vay không liên quan gì đến ông, ông cũng không có ý kiến và yêu cầu gì vì vậy cần buộc ông V trả cho Bà M số tiền gốc và lãi là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông T, vợ chồng ông H, bà C, bà Pxác định số nợ 30.000.000đ ông V vay của Bà M không liên quan đến số tiền góp vốn giữa ông H với ông T. Đồng thời việc tranh chấp góp vốn làm ăn chung giữa các bên đã được Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại bản án số 26/2019/DS – ST ngày 27/11/2019 đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 30.000.000đ và tiền lãi suất là 3.750.000đ. Tổng cộng là 33.750.000đ.

[5]. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 33.750.000đ x 5% = 1.687.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị M số tiền 862.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị M, buộc ông Trần V phải trả cho bà Trương Thị M số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng là 33.750.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Trần V phải chịu 1.687.500đ (Một triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị M số tiền 862.500đ (Tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng; ông Hoàng Rung K' T nộp thay) tiền tạm ứng án phí Bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007132 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/7/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm; Riêng ông T vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm;

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện L;
- THA dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Dũng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Trường **Thạch Thị Lan Nhung** **Nguyễn Thị Như Quỳnh**